

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số:13/2018/HSST
Ngày:30/01/2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK
Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Hồng Trường**.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông **Lê Khắc Dũng**

2/. Ông **Phan Xuân Thắng**

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hải Lý**

Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:*

Bà **Phạm Thị Phụng** Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2017/HSST, ngày 20/12/2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXHS-ST, ngày 18/01/2018 đối với:

Bị cáo **Nông Văn N** sinh năm 1960; Nơi sinh: Huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 9, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: 3/10; Con ông **Nông Thê N**, sinh năm 1940 (đã chết) và con bà **Nông Thị N**, sinh năm 1938 (đã chết); Bị cáo có vợ là **Triệu Thị S**, sinh năm 1963 và có 02 con, lớn nhất 35 tuổi, nhỏ nhất 34 tuổi, hiện nay đang làm nông và sinh sống tại thôn 7, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 27, ngày 07/11/2017 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- **Người bị hại:** Ông **Cao Duy H**. Sinh năm: 1977.

Trú tại: Buôn T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông **Vũ Quốc T** Sinh năm: 1978.

Trú tại: Khối 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ông **Bùi Sỹ N** Sinh năm: 1971.

Trú tại: Khối 3B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

(Ông T và ông N đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ, ngày 27/8/2017, Nông Văn N đón xe buýt đi từ nhà, tại xã E, thị xã B, đi đến nhà ông Nguyễn Văn N, tại buôn T, thị trấn E, huyện EaKar để chơi. Lúc đến nhà ông N thì thấy cổng và cửa nhà không đóng, N đi vào nhà gọi nhưng không thấy người trong nhà. N quan sát thấy ở đường luồng, sát tường rào xây phía bên trái nhà ông N có dựng 01 xe mô tô kiểu dáng xe PREALM II, màu nâu, biển số 47H7 - 2465 (chiếc xe này ông Cao Duy H, sinh năm 1977, trú tại buôn T, thị trấn E, huyện E mua của ông Vũ Quốc T; ông T mua lại của ông Bùi Sỹ N; ông N mua của ông T; ông T mua của ông Nguyễn Văn K). Lúc này N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe nói trên, N đi đến dắt xe đi ra khoảng 30 mét thì dừng lại. N bật chân chống xe, dùng tay giật dây điện và đạp xe nổ máy rồi điều khiển xe chạy về nhà tại thôn 9, xã E, thị xã B. N đem xe đi bán nhưng không có người mua nên làm phương tiện đi lại. Trong quá trình sử dụng, N nhặt được 01 biển số xe 43H8 - 4478, vì sợ bị phát hiện nên N đã tháo biển số xe trộm cắp ra và lắp biển số 43H8 - 4478 vào chiếc xe đã trộm cắp để sử dụng. Đến ngày 12/9/2017, N điều khiển chiếc xe mô tô nói trên đến nhà ông Nguyễn Văn N, tại buôn T, thị trấn EaKar để chơi. Lúc đến nơi, N dựng xe ở sân thì bị ông Cao Duy H phát hiện và báo Công an đến làm việc.

Vật chứng thu giữ: Gồm 01 xe mô tô nhãn hiệu PREALMII, màu sơn nâu, số khung: LHGYCHL0110249, số máy: TH150FGH01100249, biển số 43H8 - 4478; 01 biển số xe mô tô 47H7-2465; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô xe máy biển số 47H7 - 2465 mang tên Nguyễn Văn K.

Tại kết luận định giá tài sản số 42, ngày 14/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ea Kar, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu PREALMII màu sơn nâu, biển số 47H7-2465, có trị giá tại thời điểm ngày 27/8/2017 là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Ngày 08/11/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar đã trả lại tài sản gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu PREALM II, số khung: LHGYCHL0110249, số máy: TH150FGH01100249, biển số 47H7 - 2465; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô xe máy biển số 47H7 - 2465 mang tên Nguyễn Văn K cho ông Cao Duy H. Trong quá trình điều tra, ông Cao Duy H không yêu cầu Nông Văn N bồi thường thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số 02/KSĐT-HS, ngày 19/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nông Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo Nông Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nông Văn N về tội “Trộm cắp tài sản”. Và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt bị cáo Nông Văn N từ 09 đến 12 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Cao Duy H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar trả lại tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu PREALM II, số khung: LHGYCHL0110249, số máy: TH150FGH01100249, biển số 47H7-2465; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô xe máy biển số 47H7 - 2465 mang tên Nguyễn Văn K cho ông Cao Duy H là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu tiêu huỷ 01 biển số 43H8 - 4478, vì không có giá trị sử dụng. (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar).

Bị cáo Nông Văn N đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, không có ý kiến tranh luận gì.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo Nông Văn N đã tỏ ra thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn thực tế khách quan. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh hành vi của bị cáo Nông Văn N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng, hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Vận dụng điều luật nêu trên, đối chiếu với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời qua đó giáo dục riêng đối với bản thân bị cáo Nông Văn N, bên cạnh đó còn có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét tính chất, hành vi của bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật hình sự, bởi lẽ hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của ông Cao Duy H trái pháp luật, gây hoang mang, bất bình trong cộng đồng dân cư xung quanh, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn địa phương.

Xét về ý thức: Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình, bị cáo nhận thức được rằng việc lén lút trộm cắp tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Cao Duy H là hành vi vi phạm pháp luật. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, bản chất chây lười lao động nhưng lại muốn chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu

của người khác để sử dụng nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, truy tố và đưa ra xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Với hành vi nêu trên của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để trong quá trình giáo dục, cải tạo bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, từ đó hoàn thiện lối sống để khi tái hòa nhập cộng đồng bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, tháng 6/1984 bị Toà án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tháng 10/1984, bị Toà án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong hình phạt). Năm 1988, bị Toà án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong hình phạt). Ngày 25/9/1991, bị Toà án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản XHCN, tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/HSST, ngày 25/9/1991 của Toà án nhân dân huyện Krông Năng (đã chấp hành xong bản án). Ngày 29/5/2002, bị Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 13 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tại bản án hình sự phúc thẩm số 376/2002/HSPT, ngày 29/5/2002 của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng. Đến ngày 15/9/2012 thì chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống cho đến ngày phạm tội.

Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét trong quá trình lượng hình đối với bị cáo, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật nhà nước ta đối với người phạm tội.

Tại điểm c khoản 2 Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về thời hạn đương nhiên xóa án tích đó là: “Năm năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên ba năm đến mười lăm năm”. Như vậy, đối chiếu với điều luật nêu trên thì bị cáo Nông Văn N chưa được xóa án tích kể từ ngày chấp hành xong hình phạt đối với bản án hình sự phúc thẩm số 376/2002/HSPT, ngày 29/5/2002 của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng. Tuy nhiên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về thời hạn đương nhiên xóa án tích đó là: “03 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm”. Như vậy, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo Nông Văn N đương nhiên được xóa án tích đối với bản án hình sự phúc thẩm số 376/2002/HSPT, ngày 29/5/2002 của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kể từ ngày chấp hành xong hình phạt là ngày 15/9/2012. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội để không áp dụng tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Cao Duy H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar trả lại tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu PREALM II, số khung: LHGYCHL0110249, số máy: TH150FGH01100249, biển số 47H7-2465; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô xe máy biển số 47H7 - 2465 mang tên Nguyễn Văn K cho ông Cao Duy H là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu tiêu huỷ 01 biển số 43H8 - 4478, vì không có giá trị sử dụng. (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar).

Xét thấy, Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar truy tố bị cáo Nông Văn N về tội “Trộm cắp tài sản”. Theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức đề nghị về hình phạt, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là hoàn toàn có căn cứ pháp lý, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Nông Văn N 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Cao Duy H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar trả lại tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu PREALM II, số khung: LHGYCHL0110249, số máy: TH150FGH01100249, biển số 47H7-2465; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô xe máy biển số 47H7 - 2465 mang tên Nguyễn Văn K cho ông Cao Duy H là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu tiêu huỷ 01 biển số 43H8 - 4478, vì không có giá trị sử dụng. (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar).

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nông Văn N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện EaKar
- Chi cục THADS huyện EaKar
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ, VP.

Phạm Hồng Trường